

**BẢNG TỔNG HỢP PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT
ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN: XÂY DỰNG MỚI TRƯỜNG TIỂU HỌC CHI LĂNG 2**

(Kèm theo Quyết định số: 740/QĐ-UBND ngày 03 tháng 9 năm 2026 của Ủy ban nhân dân phường Lương Văn Tri)

Đơn vị tính: VNĐ

Số TT	Số HS	Họ Và Tên	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ	Giá trị bồi thường, hỗ trợ							Tiền sử dụng đất tái định cư	Thu nộp ngân sách Nhà nước nghĩa vụ tài chính			Đổi trừ tiền sử dụng đất ô đất		Giá trị bồi thường, hỗ trợ thực chi trả sau khi trừ các khoản thu	Ghi chú	
				Giá trị hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm	Giá trị hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất	Giá trị bồi thường, hỗ trợ nhà, công trình và VKT	Giá trị bồi thường, hỗ trợ cây trồng, vật nuôi	Giá trị hỗ trợ kinh phí tạm cư	Giá trị bồi thường, hỗ trợ đất	Giá trị hỗ trợ suất tái định cư tối thiểu		Nghĩa vụ tài chính đất thu hồi			Tiền bồi thường, hỗ trợ giữ lại để thực hiện nghĩa vụ tài chính đất tái định cư	Chênh lệch tiền sử dụng đất được ghi nợ			Chênh lệch tiền bồi thường đất được nhận
												Lệ phí trước bạ	Thuế Thu nhập cá nhân	Tiền sử dụng đất thu hồi					
1	2	3	4=5+...+11	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16=(10+11)-(13+14+15)	17=(12+13+14+15)	18=(10+11)-(12+13)	19=5+...+9+18	20
1	3	Ông Lộc Văn Lợi	1.033.040.200	557.210.000	28.800.000	0	304.664.000	0	142.366.200	0	0	363.500	1.453.900	0	0	0	0	1.031.222.800	
2	11	Bà Lưu Thị Thành (Lành)	108.235.900	48.947.500	36.000.000	0	10.490.500	0	12.797.900	0	0	8.500	34.000	0	0	0	0	108.193.400	
3	12	Bà Lưu Thị Phúc	303.894.100	209.917.500	14.400.000	0	25.113.900	0	54.462.700	0	0	172.800	691.100	0	0	0	0	303.030.200	
4	13	Bà Vũ Thanh Thùy Trang ,bà Vũ Mai Phương	46.639.500	22.960.000	0	6.224.000	11.440.000	0	6.015.500	0	0	0	0	0	0	0	0	46.639.500	
5	14	Hàng thừa kế theo quy định của Ông Hà Quỳnh Thắng	279.692.900	203.252.500	21.600.000	0	0	0	54.840.400	0	0	4.100	16.300	0	0	0	0	279.672.500	
6	15	Ông Hoàng Văn Khoa	442.807.300	238.205.000	21.600.000	0	120.656.600	0	62.345.700	0	0	20.600	82.500	0	0	0	0	442.704.200	
7	17	Ông Lưu Văn Mười	355.357.200	245.947.500	0	0	45.275.200	0	64.134.500	0	0	98.000	391.900	0	0	0	0	354.867.300	
8	18	Ông Lưu Văn Tiến	17.510.000	6.922.500	0	0	8.801.500	0	1.786.000	0	0	8.900	35.700	0	0	0	0	17.465.400	
9	19	Hàng thừa kế theo quy định của Ông Nông Công Thước	67.444.700	53.110.000	0	0	0	0	14.334.700	0	0	500	2.200	0	0	0	0	67.442.000	
10	20	Bà Phạm Thị Minh Ngọc	11.557.200	0	0	4.957.200	0	0	6.600.000	0	0	0	0	0	0	0	0	11.557.200	
11	21	Ông Phạm Văn Cảnh	400.334.800	293.612.500	7.200.000	1.929.100	20.734.200	0	76.859.000	0	0	21.800	87.000	0	0	0	0	400.226.000	
TỔNG CỘNG: 11 Hộ gia đình, cá nhân			3.066.513.800	1.880.085.000	129.600.000	13.110.300	547.175.900	0	496.542.600	0	0	698.700	2.794.600	0	0	0	0	3.063.020.500	